

DẪN LIỆU BƯỚC ĐẦU VỀ THÀNH PHẦN LOÀI CÁ Ở SÔNG ĐÀM, THÀNH PHỐ TAM KỲ, TỈNH QUẢNG NAM

VŨ THỊ PHƯƠNG ANH
Trường Đại học Quảng Nam

NGUYỄN THỊ THANH THU
Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Quảng Nam

Sông Đầm bắt nguồn từ sông Bàn Thạch chảy về vùng đông của thành phố Tam Kỳ qua xã Tam Thăng, Tam Phú và phường An Phú. Trong sông Đầm có một đoạn phình ra như một cái điều tạo thành một hồ nước lớn gọi là hồ sông Đầm, đây là vùng đầm nước tự nhiên rộng lớn với diện tích khoảng 180 ha, với độ sâu 1,6 m vào mùa khô và khoảng 500 ha với độ sâu trên 4 m vào mùa mưa. Sông Đầm là nguồn cung cấp nước chính phục vụ sản xuất nông nghiệp cho hơn 800 ha lúa và hoa màu các loại và đây cũng là nơi điều tiết, chứa nước lũ vào mùa mưa cho các xã vùng đông thành phố Tam Kỳ. Ngoài các chức năng nông nghiệp, thủy lợi, điều tiết nước lũ,... thì sông Đầm còn chứa trong mình một nguồn lợi thủy sản vô cùng phong phú đem lại nguồn thu nhập rất lớn cho nhiều hộ dân sống xung quanh sông. Tuy nhiên, trong thời gian qua việc đánh bắt ngày càng gia tăng, không có kiểm soát, sử dụng phương tiện đánh bắt chủ yếu bằng xung điện cộng với những tác động khác của con người và tự nhiên nên đã làm suy giảm đáng kể nguồn lợi thủy sản trên sông. Chính vì vậy, việc nghiên cứu thành phần loài cá và đề xuất những giải pháp phát triển bền vững nguồn lợi là rất cần thiết. Với bài báo này sẽ góp một phần vào việc quy hoạch và sử dụng hợp lý nguồn lợi cá ở sông Đầm, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Việc thu mẫu được tiến hành từ tháng 4/2013 - 7/2014 tại các khu vực Xuân Quý, Vĩnh Bình, Thăng Tân thuộc xã Tam Thăng; Ngọc Mỹ thuộc xã Tam Phú; An Hà Nam, An Hà Đông thuộc phường An Phú, Thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Mẫu cá được thu trực tiếp tại các điểm nghiên cứu bằng cách theo ngư dân đánh bắt, thu mẫu cá của người dân và các chợ quanh khu vực nghiên cứu. Phân loại cá bằng phương pháp so sánh hình thái, chủ yếu dựa vào các khóa định loại của Mai Đình Yên (1978, 1992) [9,10], Nguyễn Văn Hào (2001, 2005) [3,4], Kottelat M. (2001) [7],... Mỗi loài cá được nêu tên khoa học và tên Việt Nam. Trình tự các bộ, họ, giống, loài được sắp xếp theo hệ thống phân loại của Eschmeyer W. T., 2005 [2] và chuẩn tên loài theo FAO (1998) [5, 6].

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thành phần loài cá ở sông Đầm, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

Kết quả nghiên cứu thành phần loài cá sông Đầm trong thời gian 4/2013 – 7/2014 đã xác định được 91 loài thuộc 66 giống, 32 họ và 13 bộ. Tuy nhiên số lượng loài như vậy là còn chưa đầy đủ so với thực tế hiện có. Trong thành phần loài cá ở đây đã ghi nhận những loài nguy cấp quý hiếm, loài có giá trị kinh tế và loài nhập nội (bảng 1).

Bảng 1

Danh mục thành phần loài cá ở sông Đầm, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam
I	OSTEOGLOSSIFORMES	BỘ CÁ THẮT LÁT
(1)	Notopteridae	Họ cá Thắt lát

1	<i>Notopterus notopterus</i> (Pallas, 1769)	Cá Thát lát**
II	ELOPIFORMES	BỘ CÁ CHÁO
(2)	Megalopidae	Họ cá Cháo lớn
2	<i>Megalops cyprinoides</i> (Brousonet, 1782)	Cá Cháo lớn
III	ANGUILLIFORMES	BỘ CÁ CHÌNH
(3)	Anguillidae	Họ cá Chình
3	<i>Anguilla marmorata</i> (Quoy & Gaimard, 1824)	Cá Chình hoa*
4	<i>Anguilla bicolor</i> McClelland, 1844	Cá Chình mun*
IV	CLUPEIFORMES	BỘ CÁ TRÍCH
(4)	Clupeidae	Họ cá Trích
5	<i>Nematalosa nasus</i> (Bloch, 1795)	Cá Mòi mồm tròn*
6	<i>Konosirus punctatus</i> (Temminck & Schlegel, 1846)	Cá Mòi cò chắm *
V	CYPRINIFORMES	BỘ CÁ CHÉP
(5)	Cyprinidae	Họ cá Chép
7	<i>Cyprinus carpio</i> Linnaeus, 1758	Cá Chép**
8	<i>Cyprinus centralus</i> Nguyen & Mai, 1994	Cá Dầy**
9	<i>Rasborinus lineatus</i> (Pellegrin, 1907)	Cá Mại
10	<i>Rasborinus steineri</i> (Nichols & Pope, 1927)	Cá Mại sọc bên
11	<i>Rasborinus myersi</i> Brittan, 1954	Cá Lòng tong mại
12	<i>Osteochilus prosemion</i> Fowler 1934	Cá Lúi
13	<i>Osteochilus microcephalus</i> (Valenciennes, 1842)	Cá Lúi sọc
14	<i>Osteochilus hasselti</i> (Valenciennes, 1842)	Cá Mè lúi
15	<i>Carassius auratus</i> (Linnaeus, 1758)	Cá Diếc**
16	<i>Hemiculter leucisculus</i> (Basilewsky, 1855)	Cá Mương
17	<i>Esomus longimanus</i> (Lunel, 1881)	Cá Lòng tong dài
18	<i>Esomus danricus</i> (Hamilton, 1822)	Cá Lòng tong bay
19	<i>Cirrhinas molitorella</i> (Cuvier & Valenciennes, 1844)	Cá Trôi ta***
20	<i>Cirrhinas mrigala</i> (Hamilton, 1822)	Cá Trôi ần độ***
21	<i>Opsariichthys bidens</i> Günther, 1873	Cá Cháo thường
22	<i>Puntius semifasciolatus</i> (Günther, 1868)	Cá Cắn
23	<i>Megalobrama skolkovii</i> Dybowsky, 1872	Cá Vền
24	<i>Ctenopharyngodon idellus</i> (Cuvier & Valenciennes,	Cá Trắm cỏ***
25	<i>Carassioides cantonensis</i> (Heincke, 1892)	Cá Rung**
26	<i>Hypophthalmichthys molitrix</i> (Cuvier & Valenciennes,	Cá Mè trắng***
27	<i>Aristichthys nobilis</i> (Richardson, 1845)	Cá Mè hoa***
28	<i>Elopichthys bambusa</i> (Richardson, 1844)	Cá Măng
29	<i>Toxabramis swinhonis</i> Günther, 1873	Cá Dầu hồ
30	<i>Garra orientalis</i> (Nichols, 1952)	Cá Sút môi
31	<i>Spinibarbus caldwelli</i> (Nichols, 1925)	Cá Chày đất
32	<i>Spinibarbus denticulatus</i> (Oshima, 1926)	Cá Bống
33	<i>Onychostoma gerlachi</i> (Peters, 1881)	Cá Sinh
34	<i>Capoeta semifasciolatus</i> (Günther, 1868)	Cá Đòng đong
35	<i>Rhodeus ocellatus</i> (Kner, 1866)	Cá Bướm chắm

(6)	Cobitidae	Họ cá Chạch
36	<i>Misgurnus anguillicaudatus</i> (Cantor, 1842)	Cá Chạch bùn
37	<i>Misgurnus mizolepis</i> Günther, 1888	Cá Chạch bùn núi
38	<i>Cobitis arenae</i> (Linnaeus, 1934)	Cá Chạch hoa chấm
39	<i>Cobitis taenia</i> Linnaeus, 1758	Cá Chạch hoa đốm tròn
(7)	Balitoridae	Họ cá Vây bằng
40	<i>Annamia normani</i> Hora, 1931	Cá Vây bằng thường
VI	SILURIFORMES	BỘ CÁ NHEO
(8)	Cranoglanididae	Họ cá Ngạnh
41	<i>Cranoglanis boudierius</i> (Richardson, 1846)	Cá Ngạnh thon
42	<i>Cranoglanis henrici</i> (Vallant, 1893)	Cá Ngạnh thường
(9)	Clariidae	Họ cá Trê
43	<i>Clarias fuscus</i> (Lacepède, 1803)	Cá Trê đen
44	<i>Clarias macrocephalus</i> (Günther, 1864)	Cá Trê vàng**
45	<i>Clarias garienpinus</i> (Burchell, 1882)	Cá Trê phi***
(10)	Siluridae	Họ cá Nheo
46	<i>Wallago attu</i> (Bloch & Schneider, 1801)	Cá Leo
VII	ATHERINIFORMES	BỘ CÁ SUỐT
(11)	Atherinidae	Họ cá Suốt
47	<i>Allanetta bleekeri</i> (Günther, 1861)	Cá Suốt mắt nhỏ
VIII	CHARACIFORMES	BỘ CÁ HỒNG NHUNG
(12)	Characidae	Họ cá Hồng nhung
48	<i>Colossoma brachypomum</i> (Cuvier, 1818)	Cá Chim trắng nước
IX	CYPRINODONTIFORMES	BỘ CÁ BẠC ĐÀU
(13)	Aplocheilidae	Họ cá Bạc đầu
49	<i>Aplocheilus panchax</i> (Hamilton, 1822)	Cá Bạc đầu
X	BELONIFORMES	BỘ CÁ NHÁI
(14)	Hemiramphidae	Họ cá Lìm kìm
50	<i>Dermogenys pusillus</i> Van Hasselt, 1823	Cá Lìm kìm ao
51	<i>Zenarchopterus ectuntio</i> (Hamilton, 1822)	Cá Lìm kìm sông
XI	SYNBRANCHIFORMES	BỘ CÁ MANG LIỀN
(15)	Synbranchidae	Họ Lươn
52	<i>Monopterus albus</i> (Zuiew, 1793)	Lươn**
53	<i>Ophisternon bengalensis</i> McClelland, 1844	Cá Lịch đồng
54	<i>Macrotrema caligans</i> (Cantor, 1849)	Cá Lịch sông
(16)	Mastacembelidae	Họ cá Chạch sông
55	<i>Mastacembelus armatus</i> Lacépède, 1800	Cá Chạch sông
XII	PERCIFORMES	BỘ CÁ VƯƠC
(17)	Centropomidae	Họ cá Chêm
56	<i>Lates calcarifer</i> (Bloch, 1790)	Cá Chêm
(18)	Ambassidae	Họ cá Sơn
57	<i>Ambassis gymnocephalus</i> (Lacepède, 1802)	Cá Sơn
58	<i>Ambassis kopsi</i> Bleeker, 1858	Cá Sơn kôpsô

(19)	Teraponidae	Họ cá Căng
59	<i>Pelates quadrilineatus</i> (Bloch, 1790)	Cá Căng 4 sọc
(20)	Mugilidae	Họ cá Đồi
60	<i>Mugil cephalus</i> (Linnaeus, 1758)	Cá Đồi mực
(21)	Sillaginidae	Họ cá Đục
61	<i>Sillago sihama</i> (Forsskål, 1775)	Cá Đục
(22)	Gerreidae	Họ cá Móm
62	<i>Gerres oyena</i> (Forsskål, 1775)	Cá Móm chỉ bạc
63	<i>Gerres filamentosus</i> (Cuvier, 1829)	Cá Móm gai dài
64	<i>Gerres lucidus</i> Cuvier, 1830	Cá Móm gai ngắn
(23)	Sparidae	Họ cá Tráp
65	<i>Acanthopagrus latus</i> (Houttuyn, 1782)	Cá Tráp vây vàng
(24)	Monodactylidae	Họ cá Chim
66	<i>Monodactylus argenteus</i> (Linnaeus, 1758)	Cá Chim trắng mắt to
(25)	Eleotridae	Họ cá Bống đen
67	<i>Oxyeleotris marmorata</i> (Bleeker, 1852)	Cá Bống tượng***
68	<i>Butis butis</i> (Hamilton, 1822)	Cá Bống cau
69	<i>Eleotris fuscus</i> (Schneider & Forster, 1801)	Cá Bống mọi
70	<i>Eleotris melanosoma</i> Bleeker, 1852	Cá Bống đen lớn
(26)	Gobiinae	Họ cá Bống trắng
71	<i>Glossogobius giuris</i> (Hamilton, 1822)	Cá Bống cát tối**
72	<i>Glossogobius aureus</i> Akihito & Meguro, 1975	Cá Bống cát
73	<i>Glossogobius sparsipapillus</i> Akihito & Meguro, 1976	Cá Bống cát trắng
74	<i>Rhinogobius giurinus</i> (Rutter, 1897)	Cá Bống mắt
75	<i>Stenogobius genivittatus</i> (Valenciennes, 1837)	Cá Bống máu đai
76	<i>Acentrogobius viridipunctatus</i> (Valenciennes, 1837)	Cá Bống chấm thân
77	<i>Oxyurichthys microlepis</i> (Bleeker, 1849)	Cá Bống chấm mắt
(27)	Anabantidae	Họ cá Rô
78	<i>Anabas testudineus</i> (Bloch, 1792)	Cá Rô đồng**
(28)	Cichlidae	Họ cá Rô phi
79	<i>Oreochromis mossambicus</i> (Peters, 1852)	Cá Rô phi***
80	<i>Oreochromis niloticus</i> (Linnaeus, 1758)	Cá Rô phi vằn**, ***
(29)	Belontiidae	Họ cá Sặc
81	<i>Trichogaster pectoralis</i> (Regan, 1910)	Cá Sặc rằn
82	<i>Trichogaster trichopterus</i> (Pallas, 1770)	Cá Sặc bướm
83	<i>Trichogaster microlepis</i> (Günther, 1861)	Cá Sặc điệp
84	<i>Macropodus opercularis</i> (Linnaeus, 1758)	Cá Đuôi cò
85	<i>Betta taeniata</i> Regan, 1910	Cá Thia ta
86	<i>Betta splendens</i> Regan, 1910	Cá Thia xiêm
87	<i>Trichopsis vittatus</i> (Cuvier, 1831)	Cá Bã trâu
(30)	Channidae	Họ cá Quả
88	<i>Channa striata</i> (Bloch, 1793)	Cá Quả**
89	<i>Channa lucius</i> Cuvier, 1831	Cá Tràu dầy

XIII	PLEURONECTIFORMES	BỘ CÁ BƠN
(31)	Paralichthyidae	Họ cá Bơn vĩ
90	<i>Tephrinectes sinensis</i> (Lacepède, 1802)	Cá Bơn vĩ
(32)	Soleidae	Họ cá Bơn
91	<i>Euroglossa harmarndi</i> (Sauvage, 1878)	Cá Bơn lá mít

Chú thích: 4 loài quý hiếm (*), 10 loài kinh tế (**), 10 loài nhập nội (***)

2. Cấu trúc thành phần loài

Trong 91 loài cá ở sông Đầm, cho thấy cấu trúc thành phần loài cá thể hiện rất rõ về tính đa dạng trong các bậc taxon.

Bảng 2

Số lượng và tỷ lệ % các họ, giống, loài trong các bộ

TT	Tên Bộ cá	Số lượng					
		Họ		Giống		Loài	
		N	%	N	%	N	%
1	Bộ cá Thát lát (Osteoglossiformes)	1	3,13	1	1,52	1	1,10
2	Bộ cá Cháo (Elopiformes)	1	3,13	1	1,52	1	1,10
3	Bộ cá Chình (Anguilliformes)	1	3,13	1	1,52	2	2,20
4	Bộ cá Trích (Clupeiformes)	1	3,13	2	3,03	2	2,20
5	Bộ cá Chép (Cypriniformes)	3	9,38	24	36,36	34	37,36
6	Bộ cá Nheo (Siluriformes)	3	9,38	3	4,55	6	6,59
7	Bộ cá Suốt (Atheriniformes)	1	3,13	1	1,52	1	1,10
8	Bộ cá Hồng nhung (Characiformes)	1	3,13	1	1,52	1	1,10
9	Bộ cá Bạc đầu (Cyprinodontiformes)	1	3,13	1	1,52	1	1,10
10	Bộ cá Nhái (Beloniformes)	1	3,13	2	3,03	2	2,20
11	Bộ cá Mang liềm (Synbranchiformes)	2	6,25	4	6,06	4	4,40
12	Bộ cá Vược (Perciformes)	14	43,75	23	34,85	34	37,36
13	Bộ cá Bơn (Pleuronectiformes)	2	6,25	2	3,03	2	2,20
	Tổng cộng	32	100	66	100	91	100

* *Taxon bậc họ*: Trong tổng số 32 họ, đa dạng nhất là bộ cá Vược (Perciformes) với 14 họ chiếm 43,75% tổng số họ, đa dạng thứ 2 là bộ cá Nheo (Siluriformes) và bộ cá Chép (Cypriniformes) với 3 họ, chiếm 9,38% tổng số họ, có 2 bộ có 2 họ, chiếm 6,25% tổng số họ, các bộ cá còn lại chỉ có 1 họ chiếm tỷ lệ thấp.

* *Taxon bậc giống*: Bộ cá Chép (Cypriniformes) chiếm ưu thế nhất với 24 giống chiếm 36,36% tổng số giống, ưu thế thứ hai là bộ cá Vược (Perciformes) có 23 giống chiếm 34,85%, tiếp theo là bộ cá Mang liềm (Synbranchiformes) có 4 giống chiếm 6,06%, bộ cá Nheo (Siluriformes) có 3 giống chiếm tỷ lệ 4,55% tổng số giống, các bộ còn lại chỉ có 1 hoặc 2 giống chiếm tỷ lệ thấp.

* *Taxon bậc loài*: Thành phần loài đa dạng nhất là ở bộ cá Vược (Perciformes) và bộ cá Chép (Cypriniformes) với 34 loài, chiếm 37,36% tổng số loài, tiếp theo là bộ cá Nheo (Siluriformes) với 6 loài chiếm 6,59%, có 1 bộ có 4 loài là bộ cá Mang liềm (Synbranchiformes) chiếm 4,4%, các bộ còn lại chỉ có 1 hoặc 2 loài chiếm tỷ lệ thấp.

3. Loài cá quý hiếm ở sông Đầm

Trong 91 loài cá ở sông Đầm đã xác định được 4 loài quý hiếm (Sách Đỏ Việt Nam 2007), 4 loài đều xếp ở mức Sắp nguy cấp VU (Vulnerable).

Bảng 3

Danh mục thành phần loài cá quý hiếm ở sông Đầm

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Mức độ
1	<i>Anguilla marmorata</i> (Quoy & Gaimard, 1824)	Cá Chình hoa	VU
2	<i>Anguilla bicolor</i> McClelland, 1844	Cá Chình mun	VU
3	<i>Nematalosa nasus</i> (Bloch, 1795)	Cá Mòi mồm tròn	VU
4	<i>Konosirus punctatus</i> (Temminck & Schlegel, 1846)	Cá Mòi cò chấm	VU

Bốn loài cá ở sông Đầm được nêu ở bảng 3 được xếp vào nhóm quý hiếm, đang ở mức độ đe dọa bậc VU. Thực tế ở sông Đầm hiện nay và các sông suối lân cận thì nguyên nhân dẫn đến sự đe dọa của các loài cá chủ yếu là do môi trường sông bị ô nhiễm và do sự khai thác quá mức bằng các phương tiện khai thác hủy diệt. Do đó việc bảo tồn nguồn lợi sinh học này là rất cần thiết, các nhà quản lý phải có biện pháp quản lý cụ thể, các nhà sinh thái học phải có các nghiên cứu mang tính chuyên sâu để đề xuất các giải pháp quản lý có cơ sở khoa học và hữu hiệu nhất để duy trì sự đa dạng sinh học của các loài cá.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Thành phần loài cá ở sông Đầm khá đa dạng, đã xác định được 91 loài thuộc 66 giống nằm trong 32 họ và 13 bộ. Trong tổng số đó, có 4 loài nguy cấp quý hiếm bậc VU (Sách Đỏ Việt Nam 2007), 10 loài có giá trị kinh tế và 10 loài nhập nội.

Trong thành phần loài cá ở sông Đầm, bộ cá Chép (Cypriniformes) chiếm ưu thế nhất với 34 loài, chiếm 37,36% số loài, 24 giống chiếm 36,36% số giống, tiếp theo là bộ cá Vược (Perciformes) chiếm ưu thế tương đương bộ cá Chép với 34 loài, chiếm 37,36% số loài, 23 giống chiếm 34,85% tổng số giống và 14 họ chiếm 43,75% tổng số họ. Chiếm ưu thế về số lượng loài cao nhất là họ chép (Cyprinidae) có 21 giống với 29 loài, họ cá Bống trắng (Gobiinae) có 5 giống với 7 loài, họ cá Sặc (Belontiidae) có 4 giống, với 7 loài.

2. Kiến nghị

Cần có biện pháp quản lý, quy hoạch khai thác phù hợp như quy định loại ngư cụ, kích thước cá được phép khai thác, tránh khai thác các loài vào mùa sinh sản, nghiên cứu xác định bãi đẻ của cá để có biện pháp bảo vệ khu hệ cá sông Đầm.

Tình cần hỗ trợ kinh phí để lập các đề tài nghiên cứu về đa dạng sinh học, sinh thái, đặc điểm sinh học của các loài thủy sản để tạo cơ sở khoa học trong việc quản lý và bảo vệ nguồn lợi thủy sản trong sông Đầm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bộ Khoa học và Công nghệ**, 2007. Sách Đỏ Việt Nam, phần I: Động vật. Nxb. KHTN&CN, Hà Nội.
2. **Eschmeyer, W. T.**, 2005: Catalogue of life, Pulished by California Academy of Sciences, San Francisco.

3. **Nguyễn Văn Hảo**, 2001. Cá nước ngọt Việt Nam, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, Tập 1,
4. **Nguyễn Văn Hảo**, 2005. Cá nước ngọt Việt Nam, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, Tập 2, 3.
5. **FAO**, 1998. California Academy of Sciences, Vol. 1.
6. **FAO**, 1998. California Academy of Sciences, Vol. 2: 59-1820.
7. **Kottelat, M.**, 2001. Freshwater fishes of Northern Vietnam, The World Bank.
8. **Rainboth, W. J.**, 1996. Fishes of The Cambodian Mekong, FAO.
9. **Mai Đình Yên**, 1978. Định loại cá nước ngọt các tỉnh miền Bắc Việt Nam, Nxb. KHKT, Hà Nội.
10. **Mai Đình Yên**, 1992. Định loại cá nước ngọt Nam Bộ, Nxb. KHKT Hà Nội.

**PRELIMINARY DATA ON FISH SPECIES
IN DAM RIVER, TAM KY CITY, QUANG NAM PROVINCE**

**VU THI PHUONG ANH, NGUYEN THI THANH THU
SUMMARY**

Species composition of fishes in Dam river, Tam Ky City, Quang Nam Province is quite diverse. The surveys between 4/2013 and 7/2014 have revealed that there are 91 species belonging to 66 genera, 32 families and 13 orders. Among which, Cypriniformes is the most plentiful one with 34 species (37.36 %), 24 genera reaching (36.36%). Cyprinidae comprises 29 species, 21 genera; Gobiinae comprises 7 species, 5 genera; Belontiidae comprises 7 species, 4 genera. Among 91 species in Dam, 4 species are listed as VU in the 2007 Red Data Book of Vietnam.